

BÀI GIẢNG MÔN HỌC

QUẢN TRỊ

KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

Người giảng: ThS Phùng Chí Cường

**Kiểm giảng tại Bộ môn: Kinh tế Nông nghiệp
và PTNT- Khoa Bất Động sản và KTTN**

MÔ TẢ HỌC PHẦN

- Môn học quản trị kinh doanh nông nghiệp cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và rất cụ thể về tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở kinh doanh nông nghiệp. Đó là những kiến thức chung về tổ chức các loại hình kinh doanh nông nghiệp. Những kiến thức về xác định phương hướng sản xuất kinh doanh, quy mô kinh doanh và kế hoạch sản xuất kinh doanh, những kiến thức về tổ chức quản lý các yếu tố tổ sản xuất, những kiến thức về tổ chức tiêu thụ sản phẩm, về quản lý tài chính và hạch toán kinh doanh trong cơ sở kinh doanh nông nghiệp.

Nội dung môn học

- Chương I: Nhập môn quản trị kinh doanh nông nghiệp
- Chương II: Phương hướng và kế hoạch kinh doanh nông nghiệp
- Chương III: Tổ chức sử dụng các yếu tố sản xuất trong kinh doanh nông nghiệp
- Chương IV: Tổ chức tiêu thụ sản phẩm trong kinh doanh nông nghiệp
- Chương V: Quản lý tài chính và hạch toán trong kinh doanh nông nghiệp

Chương 1: ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA MÔN HỌC QUẢN TRỊ KINH DOANH NÔNG NGHIỆP

1. CƠ SỞ KDNN VÀ QUẢN TRỊ KDNN

2. CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA SXNN ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUẢN TRỊ KDNN

3. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. CƠ SỞ KDNN VÀ QUẢN TRỊ KDNN

1.1. Cơ sở kinh doanh NN và vị trí của cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp trong SXHH

1.1.1 Khái niệm: Là hình thức tổ chức kinh doanh cơ sở trong nông nghiệp, bao gồm:

- + Tập thể người lao động, có sự phân công và hợp tác lao động.**
- + Để khai thác và sử dụng có hiệu quả các yếu tố, các điều kiện của sản xuất nông nghiệp**
- + Nhằm sản xuất ra nông sản phẩm hàng hóa và thực hiện các dịch vụ theo yêu cầu của xã hội**

1.1.2. Vị trí của các cơ sở kinh doanh nông nghiệp

- Là tế bào của nền KTQD, là nơi diễn ra các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra các nông sản. Thể hiện các vai trò và chức năng của sản xuất nông nghiệp.
- Nơi khai thác các nguồn lực của xã hội tạo ra sản phẩm tiêu dùng thiết yếu duy trì sự tồn tại của con người.
- Nơi tổ chức các hoạt động xã hội trong nội bộ DN, trong phạm vi rộng.
- Là nơi kết nối khoa học với sản xuất, sản xuất với tiêu dùng.
- Nơi kết hợp giữa sản xuất và phân phối các sản phẩm thiết yếu

1.1.3. Vai trò của sản xuất nông nghiệp đối với nền KTQD

- **Cung cấp lương thực, thực phẩm đáp ứng nhu cầu tối cần thiết cho dân cư xã hội. Vai trò này thay đổi theo từng loại nông sản và giá trị tăng lên theo dinh dưỡng, dược liệu, nhân văn...**
- **Cung cấp nguyên liệu và các điều kiện khác (đất đai, vốn, sức lao động) cho sự phát triển công nghiệp và các ngành của nền KTQD, vai trò ngày càng tăng.**
- **Là thị trường tiêu thụ các sản phẩm của các ngành phi nông nghiệp.**
- **Tích lũy vốn thực hiện công nghiệp hóa...**
- **Khai thác và bảo vệ môi trường (sản phẩm hữu hình, sản phẩm vô hình).**

1.2. Các loại hình tổ chức kinh doanh chủ yếu trong nông nghiệp

1.2.1. Hộ nông dân

- Khái niệm: Là hình thức tổ chức KD trong nông nghiệp, bao gồm một nhóm người có cùng huyết tộc hoặc quan hệ huyết tộc sống chung trong 1 mái nhà. Với mục đích sx chủ yếu phục vụ nhu cầu của các thành viên trong gia đình
- Đặc trưng:
 - + Mục đích sx là phục vụ cho chính họ. Vì vậy họ chỉ sx cái họ cần
 - + SX dựa trên công cụ sx thủ công, lạc hậu
 - + Là đơn vị tái tạo nguồn lao động

1.2.2. Trang trại

- Khái niệm: Là hình thức tổ chức KD cơ sở trong nông nghiệp, có mục đích chủ yếu là sx hàng hóa; TLSX thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng của chủ thể độc lập
- Đặc trưng:
 - + Mục đích là sx hàng hóa đáp ứng nhu cầu XH với quy mô sx tương đối lớn
 - + TLSX thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng của chủ thể độc lập nên tự chủ trong SXKD
 - + Có trình độ quản lý và kiến thức về SXKD cao hơn hộ ND
- Thực trạng phát triển trang trại ở VN
 - + Vùng Trung du – miền núi
 - + Vùng Đồng Bằng
 - + Vùng ven biển

1.2. Các loại hình tổ chức kinh doanh chủ yếu trong nông nghiệp

1.2.3. Hợp tác xã NN

- **Khái niệm:** Là một hình thức cụ thể của kinh tế hợp tác trong NN, là tổ chức KT của những hộ ND cá nhân, pháp nhân có cùng nhu cầu và nguyện vọng, tự nguyện liên kết lại để phối hợp giúp đỡ nhau phát triển kinh tế; Tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân.

- **Đặc trưng:**

- + Tự nguyện ra nhập và ra khỏi HTXNN
- + Các xã viên đều bình đẳng trong quản lý, biểu quyết, giám sát
- + Tự quản, tự chịu trách nhiệm trong SXKD
- + Có tư cách pháp nhân, bình đẳng trước pháp luật

- **Các loại hình chủ yếu:**

- + HTXNN làm dịch vụ
- + HTX sản xuất kết hợp dịch vụ
- + HTX sản xuất NN

1.2.4. Các loại hình tổ chức kinh doanh khác

- Các công ty nông nghiệp
- Các tổng công ty, liên hiệp xí nghiệp nông nghiệp

2. ĐẶC ĐIỂM CỦA SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

2.1. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHUNG

1). Trong nông nghiệp, đất đai là tư liệu sản xuất chủ yếu và đặc biệt

- Vì sao có đặc điểm này: Lịch sử hình thành đất, các đặc điểm của đất đai:
 - + Về các loại địa tô trong nông nghiệp
 - + Về các loại độ phì trong nông nghiệp...
- Biểu hiện của đặc điểm:
 - + Chủ yếu: Không có đất đai không có sản xuất NN
 - + Đặc biệt: Giới hạn về số lượng, vô hạn về khả năng sinh lời; về sự đa dạng và phụ thuộc vào tự nhiên, về đặc trưng trong sử dụng....
- Đặc điểm này đặt ra vấn đề gì đối với quản trị kinh doanh NN:
 - + Quản lý đất đai trên 3 mặt: Kinh tế, kỹ thuật và tổ chức
 - + Gắn khai thác với, bồi dưỡng, bảo vệ nâng cao chất lượng đất đai

2. ĐẶC ĐIỂM CỦA SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

2.1. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHUNG

2). Đối tượng của sản xuất là cơ thể sống

- Vì sao có đặc điểm này: Do sự phân loại ngành, những hoạt động lấy đối tượng là những cơ thể sống được coi là hoạt động NN. (KN về phân ngành chung của nền KTQD)
- Biểu hiện của đặc điểm:
 - + Đối tượng của SXNN là những cây trồng vật nuôi
 - + Những sinh vật đang trong quá trình sinh trưởng và phát triển; những hoạt động kế tiếp của quá trình sinh trưởng được coi là ngành hàng NN.
 - Đặc điểm này đặt ra vấn đề gì đối với quản trị kinh doanh NN:
 - + Bố trí sản xuất phù hợp với quy luật sinh trưởng và phát triển của cơ thể sống.
 - + Tổ chức các hoạt động kinh doanh NN chú ý đến các yêu cầu của cơ thể sống: SX giống chú ý đến các quy luật di truyền và biến dị; chăm sóc chú ý đến nhu cầu sinh tồn và nhu cầu sản xuất
 - + Chú ý sự gắn kết giữa SX với chế biến và tiêu thụ do quá trình sinh vật kết thúc

2. ĐẶC ĐIỂM CỦA SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

2.1. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHUNG

3). Sản xuất nông nghiệp mang tính thời vụ

- Vì sao có đặc điểm này: Đối tượng là những cơ thể sống; Thời gian sản xuất và thời gian lao động không ăn khớp với nhau
- Biểu hiện của đặc điểm:
 - + Thời gian bố trí sản xuất, thời gian cho sản phẩm có tính thời vụ, tạo sự biến động đột biến giữa cung và cầu nông sản...
 - + Thời gian sử dụng các nguồn lực không đều đặn trong suốt quá trình kinh doanh, gây nên những lãng phí.
 - Đặc điểm này đặt ra vấn đề gì đối với quản trị kinh doanh NN:
 - + Bố trí sản xuất phù hợp với quy luật sinh trưởng và phát triển của cơ thể sống. Đặc biệt là rải vụ, phát triển công nghiệp chế biến, gắn với tiêu thụ để khắc phục tình trạng giảm giá lúc mùa vụ...
 - + Tổ chức các hoạt động kinh doanh NN chú ý đến khắc phục tác động tiêu cực của tính thời vụ: Chuyên môn hóa với phát triển tổng hợp, chế biến nông cụ đa tác dụng, tổ chức lao động hợp lý, cơ giới hóa các khâu cần nhiều lao động, lao động nặng nhọc...

2. ĐẶC ĐIỂM CỦA SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

2.1. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHUNG

- 4). Sản xuất nông nghiệp thường có chu kỳ dài, phần lớn tiến hành ngoài trời, trên không gian rộng lớn, lao động và tư liệu lao động luôn di động và thay đổi theo thời gian và không gian.
- Vì sao có đặc điểm này: Lịch sử phát triển; Đối tượng là những cơ thể sống; Đặc điểm của đất đai
 - Biểu hiện của đặc điểm:
 - + Hoạt động nông nghiệp gắn với đất đai...
 - + Hoạt động máy móc.
 - Đặc điểm này đặt ra vấn đề gì đối với quản trị kinh doanh NN:
 - + Bố trí sản xuất chú ý tới các điều kiện tự nhiên.
 - + Vấn đề chế tạo, lựa chọn công cụ sản xuất
 - + Tổ chức sản xuất, nhất là tổ chức lao động phù hợp, định mức, khoán...

2. ĐẶC ĐIỂM CỦA SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

2.1. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CHUNG

5). Sản xuất nông nghiệp chịu sự tác động và ảnh hưởng lớn của các điều kiện tự nhiên, đặc biệt là điều kiện đất đai, khí hậu, nguồn nước...

- Vì sao có đặc điểm này: Do đặc điểm 4 chi phối
- Biểu hiện của đặc điểm:
 - + Hoạt động nông nghiệp gắn với các điều kiện tự nhiên: Năng (ánh sáng), mưa gió, bão... và chịu sự tác động trực tiếp của các điều kiện tự nhiên...
 - Đặc điểm này đặt ra vấn đề gì đối với quản trị kinh doanh NN:
 - + Bố trí sản xuất chú ý tới khai thác tác động tích cực và né tránh các tác động tiêu cực của điều kiện tự nhiên.
 - + Xây dựng các cơ sở vật chất hạn chế tác động tiêu cực tự nhiên
 - + Tổ chức sản xuất, nhất là tổ chức lao động phù hợp, định mức, khoán...

2. ĐẶC ĐIỂM CỦA SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

2.2. NHỮNG ĐẶC ĐIỂM RIÊNG

1). Sản xuất nông nghiệp nước ta phổ biến là sản xuất nhỏ, trải qua cơ chế kế hoạch hóa tập trung đang trong quá trình CNH, HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Biểu hiện:

+ Tư duy sản xuất nhỏ, thiếu liên kết, cạnh tranh kém, hội nhập yếu...

+ Hệ thống chính sách còn chưa đồng bộ, còn tư duy bao cấp, phân biệt giữa các loại hình doanh nghiệp...

- Chú ý:

+ Thay đổi tư duy, nhanh chóng hội nhập, liên kết...

+ Nâng cao năng lực kinh doanh qua mở rộng quy mô, lựa chọn sản phẩm có lợi thế...

+ Tổ chức các hoạt động kinh doanh khoa học...

2. ĐẶC ĐIỂM CỦA SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

2.2.NHỮNG ĐẶC ĐIỂM RIÊNG

2). Nông nghiệp Việt Nam bình quân diện tích theo đầu người ít, sức lao động phân bố không đều giữa các vùng, các miền...

- Biểu hiện:
 - + Bình quân chung cả nước 0,13 ha đất NN/người...
 - + Bình quân thấp ở ĐBSH, cao hơn ở các vùng khác
- Chú ý:
 - + Giành quỹ đất ổn định đảm bảo an ninh lương thực
 - + Mở rộng ngành nghề nông thôn, tạo việc làm...
 - + Tổ chức khai thác đất nông nghiệp hợp lý
 - + Phân bổ lao động giữa các vùng...
 - + Xuất khẩu lao động...

2. ĐẶC ĐIỂM CỦA SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

2.2.NHỮNG ĐẶC ĐIỂM RIÊNG

- 3) Sản xuất nông nghiệp nước ta chịu ảnh hưởng của khí hậu nhiệt đới ẩm, có chế độ gió mùa, có tập đoàn cây trồng, vật nuôi phong phú.....
- Lý do: Vị trí địa lý của Việt Nam, cấu tạo địa hình, chế độ về thời tiết, khí hậu...
 - Biểu hiện: + Nắng mưa theo nhiều chế độ ở các miền...
 - + Tập đoàn động, thực vật theo các chế độ thời tiết khí hậu với các đặc tính khác nhau: cao su, cà phê,...
 - Chú ý: + Bố trí cây trồng, vật nuôi...
 - + Xác định tiềm năng lợi thế...
 - + Khắc phục tác động tiêu cực...

3. ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu các kiến thức về quản trị kinh doanh trong các cơ sở quản trị kinh doanh nông nghiệp nhằm đạt các mục tiêu hoạt động của cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp

Hoạt động quản trị bao gồm tổ chức và điều hành các bộ phận của cơ sở (con người, tổ chức, các yếu tố sản xuất...) Để thực thi cần có kiến thức, môn học nghiên cứu các kiến thức và trang bị cho các nhà quản trị...

Mối quan hệ giữa tổ chức và quản trị và sự nghiên cứu của quản trị kinh doanh nông nghiệp...

Mục đích kinh doanh NN

3. ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nghiên cứu, vận dụng các quy luật sản xuất hàng hóa vào kinh doanh nông nghiệp. Nghiên cứu các kiến thức chung về quản trị kinh doanh NN, các nghiệp vụ quản trị kinh doanh vào các cơ sở kinh doanh NN.

Trang bị các kiến thức cho người học về quản trị kinh doanh NN trong điều kiện vận hành nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN ở VN...

Nghiên cứu và tổng kết các kinh nghiệm trong và ngoài nước về quản trị kinh doanh nông nghiệp vào điều kiện cụ thể của VN trong từng giai đoạn nhất định

3. ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.3. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

- Nội dung nghiên cứu: Loại hình tổ chức, cơ sở khoa học của quản trị, tổ chức bộ máy, chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh, quản trị các yếu tố sản xuất, tổ chức và quản trị các ngành trong doanh nghiệp, các vấn đề tiêu thụ, quản lý tài chính, hạch toán, phân phối....
- Phương pháp nghiên cứu môn học:
 - + Phương pháp nghiên cứu của khoa học, hình thành kiến thức môn học
 - + Phương pháp nghiên cứu của người học